

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 115/2020/TLST-VHNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Ông **Ngô Minh T**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Vương Ái Tr**, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: Số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Minh T và bà Vương Ái Tr kết hôn vào năm 2009. Ông, bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường D, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do bất đồng về quan điểm sống và cách nhìn nhận mọi việc ngày càng cách xa, không thể hòa hợp dẫn đến cãi vã ngày càng nghiêm trọng không có tiếng nói chung trong mối quan hệ vợ chồng. Do quá trình chung sống ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nên ông T và bà Tr yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà. Xét thấy, ông T và bà Tr đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Ngô Minh T và bà Vương Ái Tr.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Ngô Minh T và bà Vương Ái Tr có 03 con chung tên Ngô Hữu Ph (nam), sinh ngày 03/10/20XX; Ngô Hữu Q (nam), sinh ngày 03/10/20XX và Ngô Gia H (nữ), sinh ngày 13/10/20XX. Sau khi ly hôn, 03 con chung tên Ngô Hữu Ph (nam), sinh ngày 03/10/20XX; Ngô Hữu Q (nam), sinh ngày 03/10/20XX và Ngô Gia H (nữ), sinh ngày 13/10/20XX do bà Vương Ái Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông Ngô Minh T cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ 01 cháu/ 01 tháng cho đến khi 03 cháu Ph, Q, H đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Ngô Minh T và bà Vương Ái Tr đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Ngô Minh T và bà Vương Ái Tr đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Ngô Minh T và bà Vương Ái Tr đồng ý chịu là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Minh T và bà Vương Ái Tr đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, ông Ngô Minh T và bà Vương Ái Tr đều thống nhất thỏa thuận: Giao 03 con chung tên Ngô Hữu Ph (nam), sinh ngày 03/10/20; Ngô Hữu Q (nam), sinh ngày 03/10/20XX và Ngô Gia H (nữ), sinh ngày 13/10/20XX cho bà Vương Ái Tr được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph, Q, H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ngô Minh T và bà Vương Ái Tr đều thống nhất thỏa thuận ông T cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ 01 cháu/ 01 tháng cho đến khi 03 cháu Ph, Q, H đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi cháu Ph, Q, H đủ 18 tuổi.

Ông Ngô Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Ngô Minh T và bà Vương Ái Tr đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Ngô Minh T và bà Vương Ái Tr đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Minh T và bà Vương Ái Tr mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí do ông T và bà Tr đã nộp theo các biên lai thu số 0004696 và 0004697 cùng ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ông T và bà Tr đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND phường D, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thanh Loan